



ECOVIS[®]
AFA VIETNAM

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN – THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ TƯ VẤN ECOVIS AFA VIỆT NAM
ECOVIS AFA VIETNAM AUDITING – APPRAISAL AND CONSULTING CO., LTD

142 Xo Viet Nghe Tinh St., Hoa Cuong Ward, Danang City, Vietnam
Tel: +84 236 363 3333 | Fax: +84 236 363 3338 | Email: info@ecovis.com.vn

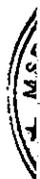
CÔNG TY TNHH LÂM NGHIỆP SÔNG KÔN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

CÔNG TY TNHH LÂM NGHIỆP SÔNG KÔN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2025



CÔNG TY TNHH LÂM NGHIỆP SÔNG KÔN

Địa chỉ: Số 56 đường Nguyễn Trung Tín, Khu phố Định An, Xã Vĩnh Thạnh, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH CÔNG TY VÀ BAN GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Bản thuyết minh báo cáo tài chính	9 – 29

CÔNG TY TNHH LÂM NGHIỆP SÔNG KÔN

Địa chỉ: Số 56 đường Nguyễn Trung Tín, Khu phố Định An, Xã Vĩnh Thạnh, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH CÔNG TY VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Chủ tịch Công ty và Ban Giám đốc Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Chủ tịch Công ty, kiểm soát viên chuyên trách, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Chủ tịch

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Ngọc Đạo	Chủ tịch

Kiểm soát viên chuyên trách

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Ngọc Dân	Kiểm soát viên chuyên trách

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Hồ Văn Hề	Giám đốc
Ông Võ Hồng Nguyên	Phó Giám đốc
Bà Trần Thị Kim Soa	Kế toán trưởng

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật trong năm và tại ngày lập báo cáo này của Công ty là ông Nguyễn Ngọc Đạo, Chủ tịch Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH CÔNG TY VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Chủ tịch Công ty và Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Chủ tịch Công ty và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Chủ tịch Công ty và Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Chủ tịch Công ty và Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

CÔNG TY TNHH LÂM NGHIỆP SÔNG KÔN

Địa chỉ: Số 56 đường Nguyễn Trung Tín, Khu phố Định An, Xã Vĩnh Thạnh, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM (Trụ sở chính: Số 142 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam; Điện thoại: (84) 0236.363.3333; Fax: (84) 0236.363.3338; Website: www.ecovis.com/vietnam/audit).

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chủ tịch Công ty và Ban Giám đốc xác nhận rằng, ngoại trừ các vấn đề được nêu trong báo cáo kiểm toán kèm theo, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Ngọc Đạo
Chủ tịch Công ty
Gia Lai, ngày 18 tháng 03 năm 2026

Số: 88/2026/BCKT-E.AFA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Chủ tịch Công ty và Ban Giám đốc
CÔNG TY TNHH LÂM NGHIỆP SÔNG KÔN

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 18 tháng 03 năm 2026 từ trang 05 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Chủ tịch công ty và Ban Giám đốc

Chủ tịch Công ty và Ban Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Công ty và Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Chủ tịch Công ty và Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Tại ngày 31/12/2025, Công ty có khoản đầu tư vào Công ty TNHH Sông Kôn với giá gốc khoản đầu tư là 6.227.551.000 VND, cùng với những thông tin khác trình bày tại mục số 4.9 của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho thấy những dấu hiệu về tổn thất của khoản đầu tư này. Dự phòng đầu tư tài chính trích lập cho khoản đầu tư vào Công ty TNHH Sông Kôn tại 31/12/2025 là 1.850.000.000 VND (tại ngày 31/12/2024 là 1.350.000.000 VND). Tại thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này, chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về giá trị hợp lý khoản đầu tư nêu trên và cũng không thu thập được báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Công ty TNHH Sông Kôn, do đó chúng tôi không thể xác định được những điều chỉnh cần thiết đối với khoản mục dự phòng đầu tư tài chính dài hạn, cũng như các khoản mục liên quan trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

2. Như đã trình bày tại mục số 4.6 của Thuyết minh Báo cáo tài chính, trong năm 2025 do ảnh hưởng của cơn bão số 13, diện tích rừng trồng của công ty bị ảnh hưởng nặng nề, theo báo cáo số 205/BC-LNSK ngày 11/11/2025 đánh giá thiệt hại do cơn bão số 13, công ty ước tính diện tích bị thiệt hại là 881,39 ha, tổng giá trị thiệt hại là 10.733.750.000 VND. Tuy nhiên tại 31/12/2025, giá trị chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của công ty vẫn đang ghi nhận trên Báo cáo tài chính theo giá gốc là 45.505.612.642 VND và chưa đánh giá ghi nhận thiệt hại do ảnh hưởng thực tế của cơn bão số 13. Tại thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này, chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về thiệt hại do ảnh hưởng cơn bão số 13 đến diện tích rừng trồng của công ty, do đó chúng tôi không thể xác định được những điều chỉnh cần thiết đối với khoản mục Hàng tồn kho, cũng như các khoản mục liên quan trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Lê Văn Long

Giám đốc kiểm toán

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3303-2024-240-1

Người được ủy quyền

Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM

Đà Nẵng, ngày 18 tháng 03 năm 2026

Hoàng Phương Minh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 6337-2023-240-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 01/01/2025
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		46.416.401.716	49.090.557.841
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	184.900.800	216.327.405
1. Tiền	111		184.900.800	216.327.405
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		604.641.000	2.655.601.828
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.2	-	482.782.000
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.3	457.419.000	473.290.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.4	2.223.364.979	2.399.529.828
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.5	(2.076.142.979)	(700.000.000)
IV. Hàng tồn kho	140	4.6	45.509.212.642	46.207.031.021
1. Hàng tồn kho	141		45.509.212.642	46.207.031.021
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		117.647.274	11.597.587
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.11	117.647.274	11.597.587
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		12.563.670.669	12.360.317.970
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		8.000.196.669	7.312.269.970
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	8.000.196.669	7.312.269.970
Nguyên giá	222		15.173.837.719	13.781.965.719
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.173.641.050)	(6.469.695.749)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		185.923.000	170.497.000
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.8	185.923.000	170.497.000
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	4.9	4.377.551.000	4.877.551.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		6.227.551.000	6.227.551.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.850.000.000)	(1.350.000.000)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		58.980.072.385	61.450.875.811

CÔNG TY TNHH LÂM NGHIỆP SÔNG KÔN

Địa chỉ: Số 56 đường Nguyễn Trung Tín, Khu phố Định An, Xã Vĩnh Thạnh, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 01/01/2025
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		7.059.117.291	9.771.409.115
I. Nợ ngắn hạn	310		4.024.867.291	6.257.659.115
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.10	13.000.000	166.622.820
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.11	311.183.270	142.828.174
3. Phải trả người lao động	314	4.12	1.348.964.000	1.605.649.999
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.13	618.495.000	60.173.938
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.14	810.545.698	1.569.345.861
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.15	15.000.000	1.550.000.000
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		907.679.323	1.163.038.323
II. Nợ dài hạn	330		3.034.250.000	3.513.750.000
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.15	3.034.250.000	3.513.750.000
2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		51.920.955.094	51.679.466.696
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.16	49.394.264.886	48.487.552.616
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		47.419.224.783	47.419.224.783
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.975.040.103	1.068.327.833
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		2.526.690.208	3.191.914.080
1. Nguồn kinh phí	431		(2.281.062.263)	(686.632.121)
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		4.807.752.471	3.878.546.201
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		58.980.072.385	61.450.875.811



Nguyễn Ngọc Đạo
 Chủ tịch Công ty
 Gia Lai, ngày 18 tháng 03 năm 2026


 Trần Thị Kim Soa
 Kế toán trưởng


 Ngô Như Ý
 Người lập

CÔNG TY TNHH LÂM NGHIỆP SÔNG KÔN

Địa chỉ: Số 56 đường Nguyễn Trung Tín, Khu phố Định An, Xã Vĩnh Thạnh, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Mẫu số B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2025	Năm 2024
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	30.622.763.960	25.820.485.831
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		30.622.763.960	25.820.485.831
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	23.533.656.049	20.109.586.371
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		7.089.107.911	5.710.899.460
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	86.930.900	11.662.600
7. Chi phí tài chính	22	5.4	500.000.000	650.000.000
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.5	4.649.817.738	2.861.527.847
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.026.221.073	2.211.034.213
11. Thu nhập khác	31	5.6	35.682.000	3.703.704
12. Chi phí khác	32	5.7	-	33.822.930
13. Lợi nhuận khác	40		35.682.000	(30.119.226)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.061.903.073	2.180.914.987
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.9	248.478.533	438.784.293
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.813.424.540	1.742.130.694



Nguyễn Ngọc Đạo
 Chủ tịch Công ty
 Gia Lai, ngày 18 tháng 03 năm 2026

Trần Thị Kim Soa
 Trần Thị Kim Soa
 Kế toán trưởng

Ngô Như Ý
 Ngô Như Ý
 Người lập

CÔNG TY TNHH LÂM NGHIỆP SÔNG KÔN

Địa chỉ: Số 56 đường Nguyễn Trung Tín, Khu phố Định An, Xã Vĩnh Thạnh, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Mẫu số B 03 – DN(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****(Theo phương pháp trực tiếp)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2025	Năm 2024
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu				
1. khác	01		31.105.545.960	25.687.128.936
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa dịch vụ	02		(21.387.580.139)	(20.989.900.276)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(4.011.320.999)	(3.105.715.200)
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(350.000.000)	(412.500.000)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		7.163.834.092	7.549.256.691
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(9.217.038.419)	(10.852.630.715)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		3.303.440.495	(2.124.360.564)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.407.298.000)	(70.000.000)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(24.500.000.000)	-
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		24.500.000.000	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		86.930.900	11.662.600
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.320.367.100)	(58.337.400)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	2.529.250.000	5.063.750.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(4.543.750.000)	(3.433.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(2.014.500.000)	1.630.750.000
LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG NĂM				
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		216.327.405	768.275.369
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70		184.900.800	216.327.405



Nguyễn Ngọc Đạo
 Chủ tịch Công ty
 Gia Lai, ngày 18 tháng 03 năm 2026

Trần Thị Kim Soa
 Kế toán trưởng

Ngô Như Ý
 Người lập

CÔNG TY TNHH LÂM NGHIỆP SÔNG KÔN

Địa chỉ: Số 56 đường Nguyễn Trung Tín, Khu phố Định An, Xã Vĩnh Thạnh, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Mẫu số B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100259010 ngày 31 tháng 07 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định (nay là Phòng Doanh nghiệp và Kinh tế tập thể thuộc Sở tài chính tỉnh Gia Lai) cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 21 tháng 07 năm 2025.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 47.419.224.783 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 56 đường Nguyễn Trung Tín, Khu phố Định An, Xã Vĩnh Thạnh, tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 45 người (31/12/2024: 47).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Trồng rừng, khai thác gỗ rừng trồng.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp. Chi tiết: Trồng, chăm sóc, nuôi dưỡng, làm giàu, khoanh nuôi rừng;
- Khai thác lâm sản khác trừ gỗ;
- Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: Đào, ủi, san lấp mặt bằng;
- Bán buôn nông, lâm sản, nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến;
- Trồng cây lâu năm khác;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Thiết kế, lập dự toán, giám sát thi công các công trình lâm sinh;
- Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan;
- Quản lý, bảo vệ rừng; chế biến nông, lâm sản; hoạt động dịch vụ nông, ngư nghiệp; kinh doanh cây, hoa cảnh; dịch vụ vật tư, kỹ thuật, giống cây trồng.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Chủ tịch và Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Chủ tịch và Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3.3. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Đầu tư khác

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.4. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với các quy định hiện hành. Việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định là khó đòi phải trích lập dự phòng được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại ngày lập báo cáo tài chính, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	<u>Năm 2025</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25 năm
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 – 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 năm

3.7. Thuê tài sản

Thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

3.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty.

Các chi phí này sẽ được chuyển sang là nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

3.9. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 01 năm đến 03 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh;
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn doanh nghiệp không thực hiện trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được phân bổ tối đa 3 năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.10. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.11. Chi phí đi vay

Nguyên tắc vốn hóa chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

3.12. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến lãi vay dự trả trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

3.13. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo qui định trong Điều lệ Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế TNDN được phân phối theo quy định của Nghị định số 366/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp Nhà nước theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.14. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

3.15. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.16. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.

3.17. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

3.18. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

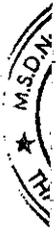
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

- Đối với hoạt động sản xuất sản phẩm rừng trồng: Được miễn thuế theo quy định tại khoản 1, điều 4 Nghị định 320/2025/NĐ-CP ngày 15/12/2025 của Chính phủ về thu nhập của doanh nghiệp từ sản xuất sản phẩm cây trồng, rừng trồng ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.
- Các hoạt động khác: Áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 17%.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Không chịu thuế đối với sản phẩm khai thác rừng trồng, sản phẩm giống lâm nghiệp;



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

- Áp dụng mức thuế suất 10% đối với các hợp đồng trồng cây, hoa cảnh quan và sản phẩm khai thác rừng tự nhiên. Được áp dụng mức thuế suất GTGT 8% đối với hoạt động này từ ngày 01/01/2025 đến hết ngày 30/06/2025 theo quy định tại Nghị định số 180/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 và từ ngày 01/07/2025 đến hết ngày 31/12/2026 theo Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ.

Các loại thuế khác

Công ty được miễn tiền thuế đất trong suốt thời gian hoạt động đối với dự án trồng rừng nguyên liệu giấy tại các xã trong tỉnh Gia Lai.

Các loại thuế khác áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.19. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Chủ tịch Công ty và Ban Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là trồng rừng, khai thác gỗ rừng trồng và một bộ phận địa lý chính là Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

3.20. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Tiền mặt	74.385.827	178.931.474
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	110.514.973	37.395.931
Cộng	184.900.800	216.327.405

CÔNG TY TNHH LÂM NGHIỆP SÔNG KÔN

Địa chỉ: Số 56 đường Nguyễn Trung Tín, Khu phố Định An, Xã Vĩnh Thạnh, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Sở NN & PTNT Bình Định	-	482.782.000
Cộng	-	482.782.000

4.3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Công ty TNHH Lâm nghiệp Quy Nhơn	-	66.000.000
Công ty TNHH Tổng hợp Thương mại Dịch vụ Lâm Trường	111.619.000	-
Công ty TNHH Mười Viễn	220.000.000	-
Nguyễn Đăng Quang	-	278.290.000
Trung tâm quy hoạch nông nghiệp nông thôn	50.000.000	50.000.000
Đặng Hồng Hoàng	65.000.000	-
Các đối tượng khác	10.800.000	79.000.000
Cộng	457.419.000	473.290.000

4.4. Phải thu ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2025 VND		Tại ngày 01/01/2025 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty CP Chế biến Tinh bột sắn XK Bình Định (cổ tức)	2.076.142.979	2.076.142.979	2.076.142.979	700.000.000
Ký quỹ, ký cược	-	-	64.685.000	-
Tạm ứng	31.700.000	-	222.158.000	-
Phải thu khác	115.522.000	-	36.543.849	-
Cộng	2.223.364.979	2.076.142.979	2.399.529.828	700.000.000

4.5. Nợ xấu

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2025 VND			Tại ngày 01/01/2025 VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty CP Chế biến Tinh bột sắn XK Bình Định	2.076.142.979	-	> 3 năm	2.076.142.979	1.376.142.979	> 3 năm
Cộng	2.076.142.979	-		2.076.142.979	1.376.142.979	

CÔNG TY TNHH LÂM NGHIỆP SÔNG KÔN

Địa chỉ: Số 56 đường Nguyễn Trung Tín, Khu phố Định An, Xã Vĩnh Thạnh, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.6. Hàng tồn kho**

	Tại ngày 31/12/2025		Tại ngày 01/01/2025	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	3.600.000	-	76.462.000	-
Chi phí SX, KD dở dang (*)	45.505.612.642	-	46.130.569.021	-
Cộng	45.509.212.642	-	46.207.031.021	-

(*) Trong tổng số dự dở dang 45.505.612.642 VND tại 31/12/2025 có 16.800.120.915 VND là chi phí sản xuất kinh doanh dở dang đang cầm cố, thế chấp các khoản vay. Cụ thể: Diện tích 5738,843 m² rừng nguyên liệu giấy Xã Đăkmang, Hoài Ân và Diện tích 895,645 m² rừng nguyên liệu giấy Xã Bók Tới, Hoài Ân đem thế chấp cho hợp đồng vay dài hạn số 4313-LAV-202401310/HĐTD ngày 19/11/2024 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Vĩnh Thạnh.

Do ảnh hưởng của cơn bão số 13, diện tích rừng trồng của Công ty bị thiệt hại nặng nề. Theo báo cáo số 205/BC-LNSK ngày 11/11/2025 đánh giá thiệt hại do bão số 13 gây ra, đơn vị ước tính diện tích bị thiệt hại là 881,39 ha, tổng giá trị thiệt hại (giá trị đầu tư theo sổ sách đến 30/9/2025) là 10.733.750.000 VND.

CÔNG TY TNHH LÂM NGHIỆP SÔNG KÔN

Địa chỉ: Số 56 đường Nguyễn Trung Tin, Khu phố Định An, Xã Vĩnh Thạnh, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.7. Tặng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:				
Tại ngày 01/01/2025	11.444.607.951	2.107.500.625	229.857.143	13.781.965.719
Mua trong năm	-	-	70.000.000	70.000.000
Đầu tư XDCB hoàn thành	1.321.872.000	-	-	1.321.872.000
Tại ngày 31/12/2025	12.766.479.951	2.107.500.625	299.857.143	15.173.837.719
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Tại ngày 01/01/2025	5.275.867.015	1.029.832.708	163.996.026	6.469.695.749
Khấu hao trong năm	522.473.909	157.707.500	23.763.892	703.945.301
Tại ngày 31/12/2025	5.798.340.924	1.187.540.208	187.759.918	7.173.641.050
Giá trị còn lại:				
Tại ngày 01/01/2025	6.168.740.936	1.077.667.917	65.861.117	7.312.269.970
Tại ngày 31/12/2025	6.968.139.027	919.960.417	112.097.225	8.000.196.669

Không có TSCĐ hữu hình đã được dùng để chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay tại thời điểm cuối năm.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 3.466.920.877 VND.

CÔNG TY TNHH LÂM NGHIỆP SÔNG KÔN

Địa chỉ: Số 56 đường Nguyễn Trung Tín, Khu phố Định An, Xã Vĩnh Thạnh, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Vườn cây hoa Đào, cây Mận	68.567.000	68.567.000
Cải tạo mặt bằng, trồng và chăm sóc cây xanh tại Vĩnh Sơn	101.930.000	101.930.000
Sửa chữa, cải tạo văn phòng Công ty xã Vĩnh Thạnh	15.426.000	-
Cộng	185.923.000	170.497.000

CÔNG TY TNHH LÂM NGHIỆP SÔNG KÓN

Địa chỉ: Số 56 đường Nguyễn Trung Tín, Khu phố Định An, Xã Vĩnh Thanh, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.9. Đầu tư tài chính dài hạn

	Tại ngày 31/12/2025		Tại ngày 01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào đơn vị khác:				
- Công ty TNHH Sông Kón	6.227.551.000	1.850.000.000	6.227.551.000	1.350.000.000
Cộng	6.227.551.000	1.850.000.000	6.227.551.000	1.350.000.000

- Tính đến thời điểm hiện nay, Công ty chưa thu thập được báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Công ty TNHH Sông Kón. Theo các Báo cáo tài chính đã kiểm toán cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023 được lập ngày 15/11/2023, khoản mục Vốn chủ sở hữu tại các thời điểm 30/06/2023 và 01/01/2023 lần lượt bị âm: 38,32 tỷ và 28,23 tỷ.

- Năm 2023, Công ty trích lập dự phòng đối với khoản đầu tư vào Công ty TNHH Sông Kón theo kết quả chứng thư thẩm định giá số 0125.12/23/CT-VTC ngày 04/12/2023 của Công ty Cổ phần Thẩm định giá VTC, số tiền trích lập: 700.000.000 VND.

- Năm 2024, sau khi cân đối các chỉ tiêu kế hoạch được UBND tỉnh giao thì Công ty trích lập thêm dự phòng đầu tư vào Công ty TNHH Sông Kón là 650.000.000 VND.

- Năm 2025, sau khi cân đối các chỉ tiêu kế hoạch được UBND tỉnh giao thì Công ty trích lập thêm dự phòng đầu tư vào Công ty TNHH Sông Kón là 500.000.000 VND theo Biên bản cuộc họp thống nhất trích lập dự phòng tổn thất tại ngày 31/12/2025.

- Tại ngày 15/01/2026, Cục quản lý thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai đã ra thông báo về việc đấu giá tài sản lần 1 đối với các tài sản của Công ty TNHH Sông Kón với giá khởi điểm là 36.690.373.360 VND, thời gian tổ chức phiên đấu giá là ngày 06/02/2026. Công Đấu giá tài sản quốc gia đến thời điểm phát hành báo cáo chưa có thông báo chính thức về kết quả phiên đấu giá trên.

CÔNG TY TNHH LÂM NGHIỆP SÔNG KÔN

Địa chỉ: Số 56 đường Nguyễn Trung Tín, Khu phố Định An, Xã Vĩnh Thạnh, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.10. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2025		Tại ngày 01/01/2025	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Lê Như Tâm	-	-	147.622.820	147.622.820
Công ty TNHH Xây dựng Tiến Phát	13.000.000	13.000.000	-	-
Các đối tượng khác	-	-	19.000.000	19.000.000
Cộng	13.000.000	13.000.000	166.622.820	166.622.820

4.11. Thuế và các khoản phải thu/ phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 31/12/2025		Trong năm		Tại ngày 01/01/2025	
	VND		VND		VND	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	4.528.220	-	-	29.312.408	-	24.784.188
Thuế thu nhập doanh nghiệp	113.119.054	-	248.478.533	350.000.000	11.597.587	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	16.284.000	70.506.324	71.472.324	-	17.250.000
Thuế khác, phí và lệ phí	-	-	49.063.028	49.063.028	-	-
Thuế phải nộp nhà nước khác	-	294.899.270	294.899.270	100.793.986	-	100.793.986
Cộng	117.647.274	311.183.270	662.947.155	600.641.746	11.597.587	142.828.174

4.12. Phải trả người lao động

	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 01/01/2025
	VND	VND
Phải trả công nhân viên	991.153.000	1.304.649.999
Phải trả người quản lý	357.811.000	301.000.000
Cộng	1.348.964.000	1.605.649.999

4.13. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 01/01/2025
	VND	VND
Trích trước chi phí khai thác tận thu gỗ rừng trồng	618.495.000	-
Chi phí lãi vay đầu tư rừng trồng dự trả	-	60.173.938
Cộng	618.495.000	60.173.938

CÔNG TY TNHH LÂM NGHIỆP SÔNG KÓN

Địa chỉ: Số 56 đường Nguyễn Trung Tín, Khu phố Định An, Xã Vĩnh Thạnh, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.15. Vay và nợ thuê tài chính**

	Tại ngày 31/12/2025 VND		Trong năm VND		Tại ngày 01/01/2025 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn:						
Cán bộ công nhân viên (*)	-	-	1.500.000.000	3.000.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả:						
Ngân hàng NN&PT NT huyện Vĩnh Thạnh	15.000.000	15.000.000	15.000.000	50.000.000	50.000.000	50.000.000
	15.000.000	15.000.000	15.000.000	50.000.000	50.000.000	50.000.000
Cộng	15.000.000	15.000.000	1.515.000.000	3.050.000.000	1.550.000.000	1.550.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn						
Ngân hàng NN&PT NT huyện Vĩnh Thạnh	3.034.250.000	3.034.250.000	1.029.250.000	1.508.750.000	3.513.750.000	3.513.750.000
(**)	3.034.250.000	3.034.250.000	1.029.250.000	1.508.750.000	3.513.750.000	3.513.750.000
Cộng	3.034.250.000	3.034.250.000	1.029.250.000	1.508.750.000	3.513.750.000	3.513.750.000
Tổng cộng	3.049.250.000	3.049.250.000	2.544.250.000	4.558.750.000	5.063.750.000	5.063.750.000

(*) Vay ngắn hạn Bà Nguyễn Bảo Cẩm Thạch theo hợp đồng vay tiền cá nhân số 01/2024/HĐV ngày 08/10/2024 với hạn mức cho vay là 1.500.000.000 VND, mục đích trồng và chăm sóc rừng sản xuất năm 2024, thời gian vay 2,5 tháng và được gia hạn đến ngày 10/03/2025 theo phụ lục hợp đồng ngày 24/12/2024, lãi suất 10,5% năm, là khoản vay tin chấp không có tài sản đảm bảo.

(**) Vay dài hạn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam huyện Vĩnh Thạnh theo Hợp đồng tín dụng số 4313-LAV-202401310 ngày 19/11/2024 với hạn mức cho vay là 13.800.000.000 VND, mục đích sử dụng vốn vay là trồng và chăm sóc rừng sản xuất thời hạn duy trì hạn mức vay là 108 tháng kể từ ngày ký hợp đồng vay với lãi suất theo từng giấy nhận nợ. Thẻ chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai gắn liền với đất theo hợp đồng sửa đổi bổ sung số 972/2025/HĐSDBS và số 973/2025/HĐSDBS ngày 01/12/2025.

CÔNG TY TNHH LÂM NGHIỆP SÔNG KÔN

Địa chỉ: Số 56 đường Nguyễn Trung Tin, Khu phố Định An, Xã Vĩnh Thạnh, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.16. Vốn chủ sở hữu****4.16.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu			
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LNST chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2024	47.850.000.000	114.913.408	-	47.964.913.408
Lãi trong năm trước	-	-	1.742.130.694	1.742.130.694
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(1.118.697.500)	(1.118.697.500)
Trích quỹ đầu tư, phát triển	-	522.639.208	(522.639.208)	-
Hoàn nhập quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	220.911.250	220.911.250
Hoàn nhập quỹ đầu tư, phát triển (*)	(430.775.217)	430.775.217	-	-
Chuyển lợi nhuận về NSNN	-	-	(321.705.236)	(321.705.236)
Tại ngày 01/01/2025	47.419.224.783	1.068.327.833	-	48.487.552.616
Lãi trong năm nay	-	-	1.813.424.540	1.813.424.540
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (**)	-	-	(611.813.000)	(611.813.000)
Trích quỹ đầu tư, phát triển (**)	-	906.712.270	(906.712.270)	-
Chuyển lợi nhuận về NSNN	-	-	(294.899.270)	(294.899.270)
Tại ngày 31/12/2025	47.419.224.783	1.975.040.103	-	49.394.264.886

(*) Công ty hoàn nhập quỹ Khen thưởng phúc lợi và quỹ đầu tư, phát triển năm 2023 theo quyết định số 3008/QĐ-UBND ngày 22/08/2024 của UBND tỉnh Bình Định về việc thông qua biên bản kết luận kiểm tra báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn, đồng thời công ty ghi giảm vốn điều lệ theo quyết định số 382/QĐ-UBND ngày 25/01/2025 của UBND tỉnh Bình Định.

(**) Dựa trên kết quả hoạt động năm 2025, Công ty tự xác định đạt kết quả xếp loại C và tạm phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2025: trích 50% quỹ đầu tư phát triển, sau đó tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi bằng 01 tháng lương thực hiện, trích quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên bằng 01 tháng lương thực hiện của người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên. Việc phân phối này chưa có văn bản phê duyệt của cấp có thẩm quyền.

4.16.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Định	47.419.224.783	47.419.224.783
Cộng	47.419.224.783	47.419.224.783

CÔNG TY TNHH LÂM NGHIỆP SÔNG KÔN

Địa chỉ: Số 56 đường Nguyễn Trung Tín, Khu phố Định An, Xã Vĩnh Thạnh, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.16.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Vốn góp đầu năm	47.419.224.783	47.850.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	430.775.217
Vốn góp cuối năm	47.419.224.783	47.419.224.783

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu hoạt động trồng rừng	29.945.090.000	24.372.790.000
Doanh thu hoạt động khác	677.673.960	1.447.695.831
Cộng	30.622.763.960	25.820.485.831

5.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Giá vốn hoạt động rừng trồng	23.432.044.049	19.433.970.801
Giá vốn hoạt động khác	101.612.000	675.615.570
Cộng	23.533.656.049	20.109.586.371

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi tiền gửi	86.930.900	11.662.600
Cộng	86.930.900	11.662.600

5.4. Chi phí tài chính

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Trích lập dự phòng từ việc đầu tư vốn	500.000.000	650.000.000
Cộng	500.000.000	650.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí nhân viên	1.974.119.044	1.325.704.266
Chi phí khấu hao tài sản cố định	197.894.864	203.573.904
Chi phí công cụ dụng cụ	25.064.800	-
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	1.376.142.979	-
Chi phí bằng tiền khác	1.076.596.051	1.332.249.677
Cộng	4.649.817.738	2.861.527.847

5.6. Thu nhập khác

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Thu tận thu gỗ chết khô, rục nghiêng ngã ra đường	35.682.000	-
Thu bán hồ sơ, lệ phí đấu giá gỗ rừng trồng	-	3.703.704
Cộng	35.682.000	3.703.704

5.7. Chi phí khác

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí bán đấu giá gỗ rừng trồng	-	20.499.000
Tiền chậm nộp thuế	-	13.323.930
Cộng	-	33.822.930

5.8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.648.461.050	712.307.588
Chi phí nhân công	4.847.795.808	4.012.789.907
Chi phí khấu hao tài sản cố định	367.855.325	363.178.308
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.145.022.155	17.471.152.175
Chi phí khác bằng tiền	2.173.240.091	4.554.548.557
Cộng	26.182.374.429	27.113.976.535

CÔNG TY TNHH LÂM NGHIỆP SÔNG KÔN

Địa chỉ: Số 56 đường Nguyễn Trung Tín, Khu phố Định An, Xã Vĩnh Thạnh, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.061.903.073	2.180.914.987
- Lợi nhuận hoạt động được miễn thuế	1.976.407.620	-
- Lợi nhuận hoạt động được ưu đãi	-	634.900
- Lợi nhuận hoạt động không ưu đãi	85.495.453	2.180.280.087
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	1.376.142.979	13.323.930
- Chi phí không được trừ	-	13.323.930
- Dự phòng phải thu khó đòi	1.376.142.979	-
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	1.461.638.432	2.194.238.917
- Thu nhập chịu thuế hoạt động được miễn thuế	1.976.407.620	-
- Thu nhập chịu thuế hoạt động ưu đãi	-	634.900
- Thu nhập chịu thuế hoạt động không ưu đãi	1.461.638.432	2.193.604.017
Thuế suất thuế TNDN hiện hành		
- Thu nhập chịu thuế hoạt động ưu đãi	10%	10%
- Thu nhập chịu thuế hoạt động không ưu đãi	17%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	248.478.533	438.784.293
- Thuế thu nhập doanh nghiệp hoạt động ưu đãi	-	63.490
- Thuế thu nhập doanh nghiệp hoạt động không ưu đãi	248.478.533	438.720.803
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	248.478.533	438.784.293

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ**6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	2.529.250.000	5.063.750.000
Cộng	2.529.250.000	5.063.750.000

6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	4.543.750.000	3.433.000.000
Cộng	4.543.750.000	3.433.000.000

7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**Danh sách các bên liên quan**

1. Ủy ban nhân dân Tỉnh Gia Lai
2. Công ty TNHH Sông Kôn
3. Chủ tịch Công ty, Kiểm soát viên, Ban giám đốc và Kế toán trưởng

Mối quan hệ

- Chủ đầu tư
Công ty đầu tư
Thành viên quản lý chủ chốt

CÔNG TY TNHH LÂM NGHIỆP SÔNG KÔN

Địa chỉ: Số 56 đường Nguyễn Trung Tín, Khu phố Định An, Xã Vĩnh Thạnh, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Trong năm, Công ty phát sinh giao dịch với các bên liên quan như sau:

		Năm 2025	Năm 2024
		VND	VND
Chuyển lợi nhuận về NSNN: UBND tỉnh Gia Lai		294.899.270	321.705.236
Tiền lương, thưởng và các khoản thu nhập khác của Chủ tịch Công ty, các thành viên Ban Giám đốc, và kế toán trưởng:			
Họ và tên	Chức danh	Năm 2025	Năm 2024
		VND	VND
Ông Nguyễn Ngọc Đạo	Chủ tịch	391.555.850	403.816.052
Ông Nguyễn Ngọc Dân	Kiểm soát viên chuyên trách	324.811.581	261.855.376
Ông Hồ Văn Hể	Giám đốc	351.085.890	378.546.258
Ông Võ Hồng Nguyên	Phó Giám đốc	299.994.992	339.757.670
Bà Trần Thị Kim Soa	Kế toán trưởng	292.364.042	308.033.376

8. CAM KẾT THEO CÁC HỢP ĐỒNG THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty thuê đất theo các hợp đồng thuê đất sau:

Hợp đồng số 185/HĐ-TĐ ngày 28/08/2019 giữa Sở Tài nguyên và Môi trường Bình Định (cũ) và Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn, thời hạn thuê là 50 năm, kể từ ngày 01/07/2014 đến ngày 01/07/2064, diện tích thuê là 18.656.471 m².

Hợp đồng số 23-99/HĐ-TĐ ngày 27/01/1999 giữa Sở Tài nguyên và Môi trường Bình Định (cũ) và Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn, thời hạn thuê là 50 năm, kể từ ngày 27/01/1999 đến ngày 27/01/2049, diện tích thuê là 8.000 m².

Hợp đồng số 125/HĐTĐ ngày 14/12/2016 giữa Sở Tài nguyên và Môi trường Gia Lai (cũ) và Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn, thời hạn thuê là 51 năm, kể từ ngày 14/12/2016 đến ngày 08/02/2057, diện tích thuê là 602.700 m².

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí thuê hoạt động ghi nhận trong năm	46.063.028	65.804.326
Cộng	46.063.028	65.804.326

Tại ngày 31/12/2025, công ty có các khoản cam kết phải trả đến hạn theo các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang như sau:

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Từ 1 năm trở xuống	65.804.326	65.804.326
Trên 1 năm đến 5 năm	263.217.304	263.217.304
Trên 5 năm	1.353.276.932	1.419.081.258
Cộng	1.682.298.562	1.748.102.888

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

9. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo Công văn số 1568/UBND-KTTH ngày 05/02/2026, Chủ tịch UBND tỉnh thống nhất đề xuất của Sở tài chính và giao Sở tài chính hoàn thành đề xuất phương án sắp xếp, sáp nhập, giải thể hoặc chuyển đổi mô hình hoạt động cụ thể đối với từng Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp trên địa bàn theo đúng ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh trong văn bản số 463/TB-UBND ngày 25/12/2025, báo cáo đề xuất UBND tỉnh trong tháng 04/2026. Đến thời điểm phát hành báo cáo tài chính này Ủy ban nhân dân tỉnh vẫn chưa hoàn thành đề xuất phương án sắp xếp, sáp nhập, giải thể hoặc chuyển đổi mô hình hoạt động trên.

Ngoài sự kiện trên, không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.



Nguyễn Ngọc Đạo
Chủ tịch công ty
Gia Lai, ngày 18 tháng 03 năm 2026

Trần Thị Kim Soa
Kế toán trưởng

Ngô Như Ý
Người lập

PHỤ LỤC I

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2023/TT-BTC ngày 17/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Mẫu số 01

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI
CÔNG TY TNHH LÂM NGHIỆP SÔNG KÔN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO MỘT SỐ CHỈ TIÊU NGOẠI BẢNG - NĂM 2025

D: Ghi số dư của khoản mục, P: Ghi số phát sinh trong kỳ báo cáo

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay/Số cuối kỳ	Năm trước/Số đầu kỳ
1. Nợ phải thu khó đòi	110	D (đồng)	2.076.142.979	2.076.142.979
a) Nợ phải thu khó đòi phát sinh trong năm	111	P (đồng)		
b) Nợ phải thu khó đòi đã xử lý trong năm	112	P (đồng)		
2. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong nước	120	D (đồng)	15.000.000	1.550.000.000
a) Vay ngắn hạn các tổ chức tín dụng	121	D (đồng)	15.000.000	50.000.000
b) Dự nợ cuối kỳ các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	122	D (đồng)		1.500.000.000
3. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn nước ngoài	130	D (đồng)		
a) Vay ngắn hạn các tổ chức tín dụng	131	D (đồng)		
b) Dự nợ cuối kỳ các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	132	D (đồng)		
4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn trong nước	140	D (đồng)	3.034.250.000	3.513.750.000
a) Vay dài hạn các NHTM, TCTD	141	D (đồng)	3.034.250.000	3.513.750.000
b) Phát hành trái phiếu (không bao gồm trái phiếu chuyển đổi)	142	D (đồng)		
c) Thuê tài chính dài hạn trong nước	143	D (đồng)		
d) Các khoản vay dài hạn trong nước khác	144	D (đồng)		
5. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn nước ngoài	150	D (đồng)		
a) Vay lại vốn ODA của Chính phủ	151	D (đồng)		
b) Vay nước ngoài được Chính phủ bảo lãnh	152	D (đồng)		
c) Vay nước ngoài theo hình thức tự vay, tự trả	153	D (đồng)		
d) Phát hành trái phiếu (không bao gồm trái phiếu chuyển đổi)	154	D (đồng)		
e) Các khoản vay nước ngoài còn lại	155	D (đồng)		
6. Nợ phải trả quá hạn	156	D (đồng)		
7. Thuế và các khoản phát sinh còn phải nộp NSNN năm trước chuyển sang	157	D (đồng)	131.230.587	54.669.845
- Thuế GTGT		D (đồng)	24.784.188	37.174.195
- Thuế TNDN		D (đồng)	(11.597.587)	(37.881.880)
- Các loại thuế khác		D (đồng)	17.250.000	28.797.324
- Lợi nhuận còn lại phải nộp NSNN		D (đồng)	100.793.986	26.580.206
8. Vốn điều lệ	250	D (đồng)	47.419.224.783	47.419.224.783
9. Thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN	300	P (đồng)	662.947.155	887.615.089
a) Nộp NSNN từ hoạt động kinh doanh nội địa	310		368.047.885	552.585.923
- Thuế GTGT		P (đồng)		36.057.926
- Thuế TNDN		P (đồng)	248.478.533	438.784.293
- Các loại thuế khác		P (đồng)	119.569.352	77.743.704
a) Nộp NSNN từ hoạt động kinh doanh XNK	33			

c) Cổ tức, số lợi nhuận còn lại phát sinh phải nộp NSNN	350	P (đồng)	294.899.270	335.029.166
10. Thuế và các khoản phát sinh đã nộp NSNN	351	P (đồng)	600.641.746	811.054.347
- Thuế GTGT		P (đồng)	29.312.408	48.447.933
- Thuế TNDN		P (đồng)	350.000.000	412.500.000
- Các loại thuế khác		P (đồng)	120.535.352	89.291.028
- Lợi nhuận còn lại đã nộp NSNN	352	p (đồng)	100.793.986	260.815.386
11. Thuế và các khoản còn phải nộp NSNN chuyển năm sau	360	D (đồng)	193.535.996	131.230.587
- Thuế GTGT		D (đồng)	(4.528.220)	24.784.188
- Thuế TNDN		D (đồng)	(113.119.054)	(11.597.587)
- Các loại thuế khác		D (đồng)	16.284.000	17.250.000
- Lợi nhuận còn lại phải nộp NSNN		D (đồng)	294.899.270	100.793.986
12. Tổng quỹ lương	622	P (đồng)	7.341.756.000	6.295.119.000
13. Số lao động bình quân (người)	610	P (đồng)	45	45
14. Tiền lương bình quân người/năm	623	P (đồng)	163.150.133	139.891.533

Vĩnh Thanh, ngày 18 tháng 3 năm 2026

CƠ QUAN, ĐƠN VỊ BÁO CÁO *SN*

(Ký tên, đóng dấu)



Nguyễn Ngọc Đạo

